

Số: **26** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **16** tháng **01** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, có chức năng quản lý, khai thác hạ tầng phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác về giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật; là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (Root Certification Authority).

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản để giao dịch theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính tại Hà Nội.

Tên giao dịch tiếng Anh: National Electronic Authentication Centre.

Tên viết tắt: NEAC.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện nhiệm vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia

a) Chủ trì, phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án để phát triển và đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử, ứng dụng phục vụ giao dịch điện tử/chữ ký số và xác thực điện tử;

b) Thẩm tra hồ sơ và cấp chứng thư số cho các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử;

c) Vận hành và duy trì hệ thống kỹ thuật để quản lý hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử, chữ ký số chuyên dùng, các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài được công nhận tại Việt Nam, danh sách chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam và trong giao dịch quốc tế, thông tin về các thuê bao được cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ tin cậy, dịch vụ chứng thực chữ ký số;

d) Xây dựng, quản lý, vận hành và duy trì hoạt động của hệ thống xác thực điện tử, hệ thống quản lý dịch vụ cấp dấu thời gian và các hệ thống kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng;

đ) Tổ chức, quản lý chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, của tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian, của tổ chức cung cấp dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử;

e) Quản lý việc kết nối các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, chữ ký điện tử và chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận bảo đảm cho việc kiểm tra chữ ký số, chữ ký điện tử;

g) Kiểm tra các hoạt động liên quan đến dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử của các tổ chức cung cấp dịch vụ, các tổ chức sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng; kiểm tra các hoạt động sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam, chứng thư số nước ngoài được chấp nhận trong giao dịch quốc tế; kiểm tra các hệ thống xác thực điện tử theo quy định;

h) Điều phối các hoạt động xử lý sự cố liên quan đến dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử;

i) Tổ chức thu, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số và phí, lệ phí về dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử.

2. Thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Nghiên cứu, đề xuất, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, đề án về giao dịch điện tử;

b) Thẩm tra hồ sơ cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng, giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chữ ký điện tử dùng riêng, giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài, giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức nghiên cứu, xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thử nghiệm, kiểm tra, đánh giá, hiệu chuẩn và đo kiểm tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ chuyên ngành liên quan đến chữ ký điện tử, chữ ký số, dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước về giao dịch điện tử;

d) Nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chính sách, giải pháp liên thông, xác thực chéo về chữ ký số và xác thực điện tử;

đ) Tham gia xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử, chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử, tài khoản giao dịch điện tử;

e) Phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử;

g) Thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu và công bố thông tin, chất lượng dịch vụ về chữ ký điện tử và xác thực điện tử, chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số, dịch vụ cấp dấu thời gian và các dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử;

h) Quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian và tổ chức cung cấp dịch vụ khác theo quy định pháp luật giao dịch điện tử, tổ chức cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử dùng riêng liên quan đến giao dịch điện tử thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản trị và phát triển đơn vị

a) Cung cấp các dịch vụ tư vấn, tuyên truyền, sự kiện truyền thông, tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trong nước và quốc tế về giao dịch điện tử; cung cấp các dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm theo quy định của pháp luật; bảo toàn và phát triển nguồn lực được giao;

b) Thực hiện hợp tác quốc tế, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi số phục vụ hoạt động của Trung tâm; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng;

c) Quản lý về tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng;

d) Quản lý tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu của Trung tâm theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm:

Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia có Giám đốc và các Phó giám đốc.

Giám đốc chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Phó Giám đốc giúp Giám đốc chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác của Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Tổ chức bộ máy:

a) Các đơn vị chức năng:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp.
- Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- Phòng Hạ tầng và phát triển dịch vụ.
- Phòng Nghiên cứu, Kiểm thử.
- Phòng Thẩm tra và Chính sách.
- Phòng Thông tin và Hợp tác quốc tế.

b) Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị chức năng và mối quan hệ công tác giữa các đơn vị do Giám đốc Trung tâm quy định.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc do Giám đốc Trung tâm xây dựng, trình Bộ trưởng quyết định.

3. Số lượng người làm việc của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia do Giám đốc Trung tâm quyết định hoặc trình Bộ trưởng quyết định trên cơ sở mức độ tự chủ tài chính được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 989/QĐ-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Đơn vị chuyên trách CNTT, CDS các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND và Sở TTTT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công TTTT Bộ TTTT;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng